

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2024

*“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thơm và bà Nguyễn Thị Thuận

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lãng Văn N, sinh năm 1993

- *Bị đơn:* Bà Triệu Thị T, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã Tâm T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Lãng Văn Nghiệp trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện đến với nhau năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2015

Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà riêng tại Thôn 10, xã Tâm T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N từ đó cho đến nay.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến ngày 1/7/2022 vợ chồng không cãi nhau gì hết tự nhiên bà T bỏ nhà đi không về nhà nữa. Ông đã nhiều lần khuyên can bà T về chung sống với chồng con nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Lăng Triệu Đ, sinh ngày 31/12/2014. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn bà Triệu Thị Tươi*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **Tại phiên tòa:**

\* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Ông N yêu cầu ly hôn với bà Tươi. Về con chung ông yêu cầu được nuôi con chung Lăng Triệu Đ, sinh ngày 31/12/2014 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn: Bà Triệu Thị T vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:*

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn ông Lăng Văn N đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn bà Triệu Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lăng Văn N được ly hôn với bà Triệu Thị T. Về con chung: Giao con chung Lăng Triệu Đ cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không yêu cầu bà Tươi cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Ngày 23/02/2024 ông Lãng Văn N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết việc ly hôn và nuôi con với bà Triệu Thị T do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Triệu Thị T có nơi cư trú tại Thôn 10, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

### [2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn bà Triệu Thị T vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Triệu Thị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

### [3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 127, ngày 22/12/2015 của UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông thì ông Lãng Văn N và bà Triệu Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và tại phiên tòa ông N cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 1/7/2022 vợ chồng không cãi nhau gì hết tự nhiên bà T bỏ nhà đi không về nhà. Ông đã nhiều lần khuyên can bà T về chung sống với chồng con nhưng không có kết quả, từ tháng 07/2022 vợ chồng đã ly thân. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật bà T nhiều lần nhưng bà T vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn thể hiện bà T không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên bà T không còn tình cảm đối với ông N. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông N và bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.

Về con chung: Trong quá trình sống chung ông N và bà T có 01 con chung là Lãng Triệu Đ, sinh ngày 31/12/2014. Khi ly hôn ông N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cháu Lãng Triệu Đ có nguyện vọng được ở với ba (BL 18 và 19). Nhận thấy trẻ Đ đang còn nhỏ, từ trước tới nay ông N là người trực tiếp chăm sóc trẻ ngay cả khi bà T bỏ nhà đi, mặc khác trẻ Đ là bé trai để tạo điều kiện của sự phát triển của trẻ nên giao cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lãng Văn N được ly hôn với bà Triệu Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127, ngày 22/12/2015 của UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao trẻ Lãng Triệu Đ, sinh ngày 31/12/2014 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T do ông N không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Bà T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng do ông Lãng Văn N chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông Nghiệp

đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000305 ngày 05/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Ông N đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- UBND xã Tâm Thắng;
- CCTHADS Huyện Cư Jút;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**





